

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 214/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 14 – 9 - 2018

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông La Văn Việt

2. Bà Trần Thị Kim Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 680/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 123/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Mai T, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Lê Tuấn K, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/6/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Nguyễn Mai T trình bày tóm tắt như sau:

Bà T và Ông Lê Tuấn K cưới nhau năm 1993, có đăng ký kết hôn và được và được Ủy ban nhân dân xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/4/1993. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến tháng 2/1997 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ông K bỏ nhà đi từ năm 1997 cho đến

nay Bà T không biết Ông K ở đâu, bà đã nhiều lần tìm kiếm nhưng không có kết quả. Bà đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa giải quyết việc dân sự tuyên bố Ông K mất tích bằng quyết định số 06/2018/QĐDS-ST ngày 17/5/2018. Nay Bà T đề nghị Tòa án cho bà ly hôn với Ông K

Về con chung: Bà T xác định bà với Ông K có 01 người con chung tên Lê Tiến Vinh, sinh năm 1993 đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định bà và Ông K không có tài sản chung, không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn Ông Lê Tuấn K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng Ông K không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của Bà T. Ông K cũng không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra chứng cứ và phiên hòa giải. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Mai T có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với Ông Lê Tuấn K. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Tòa án tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ cho Ông K lên công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Ông K vắng mặt không có lý do. Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và tiến hành triệu tập hợp lệ Ông K lần thứ 1 nhưng Ông K vắng mặt. Tòa án có quyết định hoãn phiên Tòa và tiến hành triệu tập hợp lệ Ông K lần thứ 2, nhưng Ông K vắng mặt nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt Ông K là phù hợp với điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Mai T và Ông Lê Tuấn K cưới nhau năm 1993, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/4/1993, nên quan hệ hôn nhân của Bà T và Ông K chỉ được pháp luật thừa nhận là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Xét yêu cầu ly hôn của Bà T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông K đã bỏ nhà đi từ năm 1997 đến nay Bà T không biết Ông K ở đâu, Tòa án huyện Đức Hòa đã tuyên bố Ông K mất tích bằng quyết định số 06/2018 QĐST-DS ngày 17/5/2018, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Ông K đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện việc Bà T xin ly hôn với ông tại Tòa án nhưng Ông K không có ý kiến, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên Tòa Bà T xác định không còn tình cảm gì với Ông K

và cương quyết ly hôn. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình số 52/2014/QH13, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà T đối với Ông K.

[2.2] Về quyền nuôi con chung: Bà T xác định bà với Ông K có 01 người con chung tên Lê Tiến Vinh, sinh năm 1993 đã trưởng thành.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Con chung tên Lê Tiến Vinh, sinh năm 1993 đã trưởng thành, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định bà và Ông K không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp đương sự có tranh chấp về chia tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ tại Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn Bà Nguyễn Mai T phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 202 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13; Các Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Mai T xin ly hôn với Ông Lê Tuấn K.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Mai T được ly hôn với Ông Lê Tuấn K.

2. Về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Bà T xác định bà với Ông K có 01 người con chung tên Lê Tiến Vinh, sinh năm 1993 đã trưởng thành.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Mai T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đ tiền tạm ứng án phí Bà T đã nộp theo biên lai thu số 0002619 ngày 15/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa sang thi hành án phí nên Bà T đã nộp đủ án phí. Ông K không phải chịu án phí.

3. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

La Văn Việt – Trần Thị Kim Hoa

Bùi Ngọc Tuyền

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Bùi Ngọc Tuyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Văn Hùng – Nguyễn Văn Minh

Bùi Ngọc Tuyển

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Ghên - Trương Thị Kim Tiên

Bùi Ngọc Tuyền